

附件一、國家人權委員會處理涉及人權案件**個人申訴書**（無代理人或代理人
為自然人）

Phụ lục 1 Đơn khiếu nại dành cho cá nhân (không có người đại diện hoặc người đại diện là thể nhân) về vụ việc liên quan đến nhân quyền mà ủy ban nhân quyền quốc gia giải quyết

一、申訴日期： 年 月 日					
I. Ngày khiếu nại: Ngày tháng năm					
二、申訴人					
II. Người khiếu nại					
姓 名 Họ tên		出生日期 Ngày tháng năm sinh		簽章 Ký tên đóng dấu	(印章、指印可) (đóng dấu, điểm chỉ)
身分證統一編號 Số chứng minh thư		聯絡電話 Điện thoại liên hệ	市話： Nội hạt:	手機： Di động:	
戶籍地址 Địa chỉ hộ tịch					
住居所 Nơi cư trú					
公文送達地址 Địa chỉ tổng đạt công văn	☐ 同戶籍地 Cùng địa chỉ hộ tịch ☐ 同住居所 Cùng nơi cư trú				
電子郵件 (非必填) Hòm thư email (không bắt buộc điền)					
三、申訴人之法定代理人 (未成年者，應於本列以下提供法定代理人資訊。)					
III. Người đại diện pháp luật của người khiếu nại (Trường hợp chưa thành niên, cần cung cấp thông tin người đại diện pháp luật tại cột dưới đây)					
請問您的法定代理人是否知悉並同意提出申訴？ ☐ 是 ☐ 否 (請於簽章欄位簽名以示同意)					
Xin hỏi người đại diện pháp luật của bạn có hiểu rõ và đồng ý khiếu nại hay không?					
☐ Có ☐ Không (hãy bày tỏ sự đồng ý vào cột ký tên đóng dấu)					
姓 名 Họ tên		身分證統一編號 Số chứng minh thư		簽章 Ký tên đóng dấu	(印章、指印可) (đóng dấu, điểm chỉ)
聯絡電話及地址 Điện thoại và địa chỉ liên hệ					
四、申訴代理人 (若無代理人請略過)					
IV. Người đại diện khiếu nại (nếu không có người đại diện thì hãy bỏ qua)					
姓 名 Họ tên		出生日期 Ngày tháng năm sinh		簽章 Ký tên đóng dấu	(印章、指印可) (đóng dấu, điểm chỉ)
身分證統一編號 Số chứng minh thư		聯絡電話 Điện thoại liên hệ	市話： Nội hạt:	手機： Di động:	
與申請人關係 Quan hệ với người khiếu nại					
戶籍地址 Địa chỉ hộ tịch					
住居所 Nơi cư trú					
公文送達地址 Địa chỉ tổng đạt công	☐ 同戶籍地 Cùng địa chỉ hộ tịch ☐ 同住居所 Cùng nơi cư trú				

văn	
電子郵件 (非必填) Hòm thư email (không bắt buộc điền)	
一、請問申訴人及其法定代理人是否知情且同意您代理提出申訴？ I. Xin hỏi người khiếu nại và người đại diện pháp luật có biết và đồng ý bạn đại diện khiếu nại hay không? ☐ 是 (務必請申訴人及其法定代理人於簽章欄位內簽名以示同意) ☐ Có (Bắt buộc người khiếu nại và người đại diện pháp luật của họ ký tên vào cột ký tên đóng dấu để bày tỏ sự đồng ý) ☐ 否 (請說明您未取得同意，而仍代提申訴的理由) ☐ Không (xin hãy giải thích rõ lý do bạn chưa được sự đồng ý, mà vẫn đại diện khiếu nại) 二、本案於處理階段，申訴人是否要求身分保密？☐是 ☐否 II. Vụ việc ở giai đoạn giải quyết, người khiếu nại được yêu cầu bảo mật nhân thân không ? ☐ Có ☐Không 三、本案作成決定後，是否同意公開申訴人姓名與申訴案件內容？☐是 ☐否 III. Sau khi vụ việc được quyết định, có đồng ý công khai họ tên người khiếu nại và nội dung vụ việc khiếu nại không? ☐ Có ☐Không 四、請檢附書面委託書 IV. Hãy đính kèm Thư ủy quyền 五、申訴內容依法得提訴願、訴訟、請求國家賠償或依其他法定程序得提出申訴時，是否同意本會逕送有管轄權之救濟機關？☐是☐否 V. Khi nội dung khiếu nại được đề xuất khiếu nại hành chính, tố tụng, yêu cầu quốc gia bồi thường theo luật hoặc được khởi kiện theo trình tự pháp định khác, có đồng ý Ủy ban trực tiếp gửi đến cơ quan cứu trợ có thẩm quyền hay không ? ☐ Có ☐Không	

五、申訴事項、事實及理由：【註】請按時間順序盡量詳細說明，您認為應受公約保障的內涵遭受侵害的事實及情況；並說明與現有法規、政策或制度之關聯性。 V. Nội dung, sự thật khiếu nại và quá trình : (ghi chú) hãy cố gắng giải thích tường tận sự thật và tình trạng mà bạn cho rằng xâm phạm nội hàm được công ước bảo vệ theo thứ tự thời gian; đồng thời giải thích mối liên quan với quy định pháp luật, chính sách hoặc chế độ hiện có.
六、違反公約之條文及內容 VI. Vi phạm điều khoản và nội dung công ước
七、佐證文件 (請逐一詳列) VII. Giấy tờ chứng minh (hãy liệt kê chi tiết từng mục)
八、辦理日期：(本欄由機關填寫) VIII. Ngày thụ lý (Cột này do cơ quan điền) 收文日期： 年 月 日；受理日期： 年 月 日；結案日期： 年 月 日 Ngày nhận hồ sơ: <u>Ngày tháng năm</u> ; Ngày thụ lý: <u>Ngày tháng năm</u>; Ngày đóng hồ sơ: <u>Ngày tháng năm</u>

備註：本表格填寫完成並確認無誤後請郵寄至國家人權委員會

Ghi chú: Sau khi điền xong biểu phiếu này và xác nhận không sai sót thì gửi đến Ủy ban nhân quyền quốc gia bằng đường bưu điện.